

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
ĐẦU TƯ TẠI TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung được cung cấp tại:

TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Trụ sở chính: Tầng 23, tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.62780191 Fax: 024.62780136

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI (SHS)

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Website: www.shs.com.vn

Điện thoại: (84.24) 3818 1888 Fax: (84.24) 3818 1688

CN TP.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.28) 3915 1368 Fax: (84.28) 3915 1369

CN Đà Nẵng: Tầng 8, tòa nhà Thành Lợi 2, số 3 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, Đà Nẵng

Điện thoại: (84.236) 3525 777 Fax: (84.236) 3525 779

Hà Nội, tháng 05/2022

MỤC LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN	4
CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	7
1. Rủi ro về kinh tế	7
2. Rủi ro về pháp luật.....	12
3. Rủi ro đặc thù	12
4. Rủi ro của đợt chuyển nhượng vốn	13
5. Rủi ro khác.....	13
I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	14
1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng.....	14
2. Công ty có vốn của doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng.....	14
3. Tổ chức tư vấn	14
II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	15
III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	16
1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	16
2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng	18
3. Số cổ phần sở hữu.....	18
4. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG (TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP).....	19
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	19
2. Cơ cấu tổ chức công ty (tại thời điểm 31/12/2021).....	22
3. Cơ cấu cổ đông	24
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổng công ty Thăng Long – CTCP, những công ty mà Tổng công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổng Công ty Thăng Long – CTCP	25
5. Hoạt động kinh doanh.....	27
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	37
7. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:	40
8. Tình hình hoạt động tài chính.....	41
9. Tình hình sử dụng đất đai của TTL	50

10. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2022	52
11. Chính sách đối với người lao động.....	53
12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	54
13. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn.....	55
V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	55
1. Loại cổ phần	55
2. Mệnh giá.....	55
3. Tổng số lô cổ phần dự kiến chuyển nhượng.....	55
4. Giá khởi điểm đấu giá.....	55
5. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm.....	56
6. Phương thức chuyển nhượng vốn.....	56
7. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần.....	56
8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn.....	56
9. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến	56
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	56
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn.....	57
12. Các loại thuế có liên quan.....	57
13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn:.....	57
VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	57
VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	57
1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng.....	57
2. Tổ chức có vốn Nhà nước chuyển nhượng.....	58
3. Tổ chức tư vấn.....	58
4. Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính	58
5. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần	58
6. Tổ chức thẩm định giá.....	58
VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.....	59
IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG, TỔ CHỨC CÓ VỐN ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	59

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

1. Thông tin tổ chức phát hành

- Tên tổ chức phát hành : **Tổng Công ty Thăng Long - CTCP**
- Địa chỉ : Số 72 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Vốn điều lệ hiện tại : 419.080.000.000 đồng
- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 41.853.700 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Ngành nghề kinh doanh chính : Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

2. Thông tin về đợt chào bán

- Tên tổ chức chào bán cổ phần : Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
- Tên cổ phần chào bán : Cổ phần Tổng Công ty Thăng Long - CTCP
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Tổng số lượng cổ phần chào bán : 10.500.000 cổ phần
- Phương thức chào bán : Bán đấu giá công khai cả lô cổ phần (01 lô)
- Giá khởi điểm một cổ phần : 18.530 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm một lô cổ phần : 194.565.000.000 đồng/lô cổ phần
- Đơn vị tổ chức đấu giá cổ phần : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Chuyển quyền sở hữu : Thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán, điều lệ Công ty cổ phần

3. Tổ chức Tư vấn chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3818 1888

Fax: (84.24) 3818 1688

4. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 2626

Fax: (84-24) 3934 7818

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- ❖ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- ❖ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- ❖ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- ❖ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản doanh nghiệp;
- ❖ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- ❖ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;
- ❖ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của SCIC và Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 151/2013/NĐ-CP;
- ❖ Căn cứ Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;
- ❖ Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;
- ❖ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- ❖ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 322/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;
- ❖ Quyết định số 1001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 10/07/2017 phê duyệt phương án sắp xếp, phân loại doanh nghiệp của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước đến năm 2020;
- ❖ Thông báo số 990/UBQLV-TH ngày 23/06/2021 của Ủy ban quản lý vốn Nhà nước về việc

- thực hiện bán vốn Nhà nước theo Quyết định số 1001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
- ❖ Chứng thư thẩm định giá số 1200322/TV-IVC ngày 10/03/2022 do Công ty Công ty Cổ phần Thẩm định giá IVC Việt Nam ban hành.
 - ❖ Quyết định số 67/QĐ-ĐTKDV ngày 10/03/2022 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long – CTCP.
 - ❖ Giấy Ủy quyền số 07/ĐTKDV-VPĐH ngày 14/03/2022 của Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc điều hành công việc cho Phó Tổng giám đốc Đinh Việt Tùng.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Tổng Công ty Thăng Long – CTCP nói riêng.

a) Tăng trưởng kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

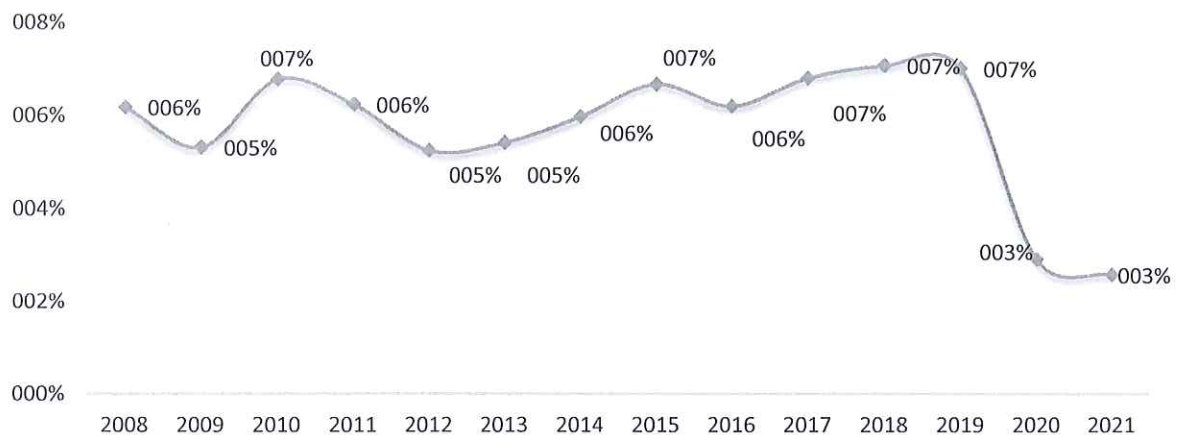
Sau giai đoạn chững lại từ năm 2010 – 2014, nền kinh tế Việt Nam đã lấy lại đà tăng trưởng vững mạnh trong những năm gần đây. Giai đoạn năm 2018 – 2019, tăng trưởng của Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đều đạt trên 7%, đây là một tín hiệu rất khả quan cho thấy mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn nhưng nền kinh tế nước ta đang tiếp tục tăng trưởng sôi động.

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tốc độ tăng GDP đạt 2,91%, đầu tư nước ngoài (FDI) chững lại. Tuy nhiên, so với các quốc gia trên thế giới, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng và đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á (sau Indonesia, Thái Lan, Philippin).

Sang năm 2021, trong sáu tháng đầu năm nền kinh tế có sự khởi sắc khi đại dịch cơ bản được kiểm soát. Tuy nhiên từ cuối quý II/2021 đặc biệt là quý III/2021, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, ước tính GDP năm 2021 tăng 2,58%, mức tăng thấp nhất từ 2008. Tuy đất nước gặp vô vàn khó khăn, thách thức do dịch covid-19 trong năm qua nhưng với sự phục hồi nhanh chóng của nền kinh tế sau khi các địa phương trên cả nước thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ cùng với những điểm sáng trong năm 2021 sẽ là động lực tăng trưởng, tạo đà phát triển kinh tế đất nước trong năm 2022.

Quý I/2022 ghi nhận mức tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khá, tăng 5,03% so với cùng kỳ, trong đó, khu vực dịch vụ tăng 4,58%, gấp gần 1,5 lần so với cùng kỳ các năm 2020-2021. Qua đó tạo niềm tin vào các chính sách phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, kỳ vọng tăng trưởng tiếp tục đà tích cực trong Quý II và cả năm 2022.

Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2008 - 2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

Tổng công ty Thăng Long – CTCP là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng giao thông mà nổi bật là xây dựng và thi công các công trình cầu, đường giao thông. Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động của nền kinh tế. Khi kinh tế phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định sẽ thúc đẩy khả năng đầu tư công của Nhà nước và nhân dân đối với việc xây dựng hạ tầng, đường giao thông và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ mục tiêu phát triển, qua đó đẩy mạnh cầu về sản phẩm thi công công trình, đem lại cơ hội phát triển và gia tăng doanh thu, thị phần của Tổng công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, vô hình chung sẽ tác động ngược lại, làm chậm sự phát triển của ngành giao thông nói chung và của Tổng công ty nói riêng. Để hạn chế rủi ro về kinh tế, TTL luôn chú ý xem xét và dự báo khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung sẽ giúp cho việc xây dựng các kế hoạch kinh doanh tốt hơn, đồng thời tiên liệu và chuẩn bị trước các phương án để có thể ứng phó với những tình huống bất lợi có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của TTL.

b) Lãi suất:

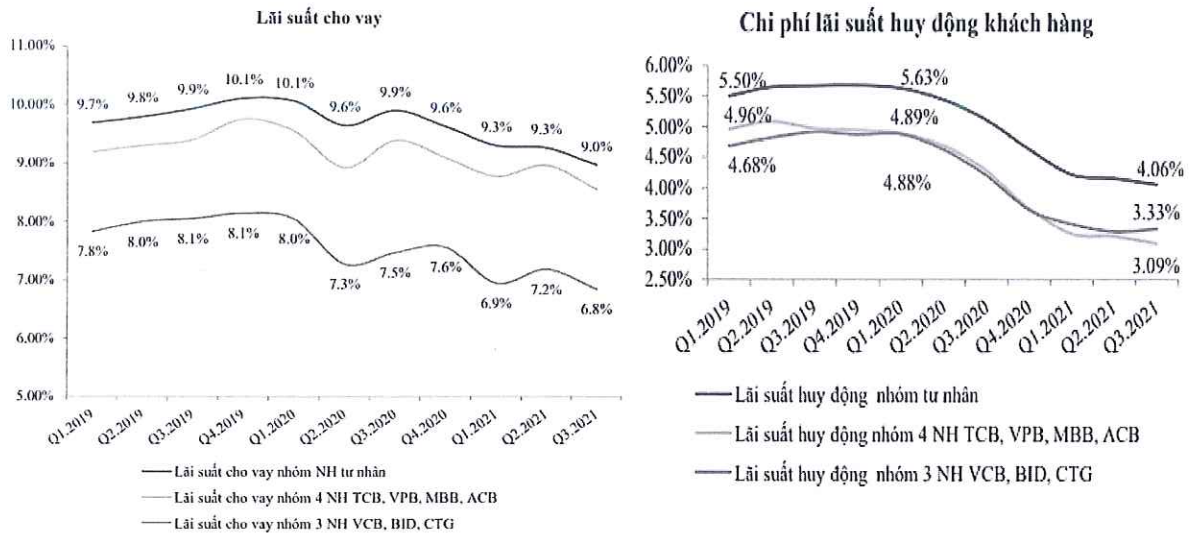
Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Trong những năm gần đây, trước bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành lãi suất phù hợp, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi.

Năm 2020, mặt bằng lãi suất cho vay giảm bình quân khoảng 1%/năm. Trong năm, Ngân hàng Nhà nước đã hạ lãi suất điều hành 3 lần từ 0,5% - 1,5% nhằm hỗ trợ nền kinh tế. Theo đó, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6%/năm xuống 4%/năm, lãi suất chiết khấu giảm từ 4%/năm xuống 2,5%/năm và trần lãi suất huy động ngắn hạn từ 6%/năm xuống chỉ còn 4.5%/năm. Đồng thời để hỗ trợ thanh khoản, NHNN đã bơm hơn 420 nghìn tỷ đồng qua thị trường OMO và thị trường ngoại hối.

Năm 2021, mặt bằng lãi suất được giữ ổn định để lãi suất cho vay giảm. Trần lãi suất cho vay VNĐ mà Ngân hàng Nhà nước quy định là 4,5%. Trong năm, thực hiện nghị quyết 63/NQ-CP của Chính phủ, 16 ngân hàng thương mại đã đồng thuận giảm lãi suất cho vay áp dụng lên đến 1%/năm trên dư nợ hiện hữu từ giữa tháng 7 đến hết năm 2021.

Lãi suất cho vay, huy động giai đoạn 2019 – 2021



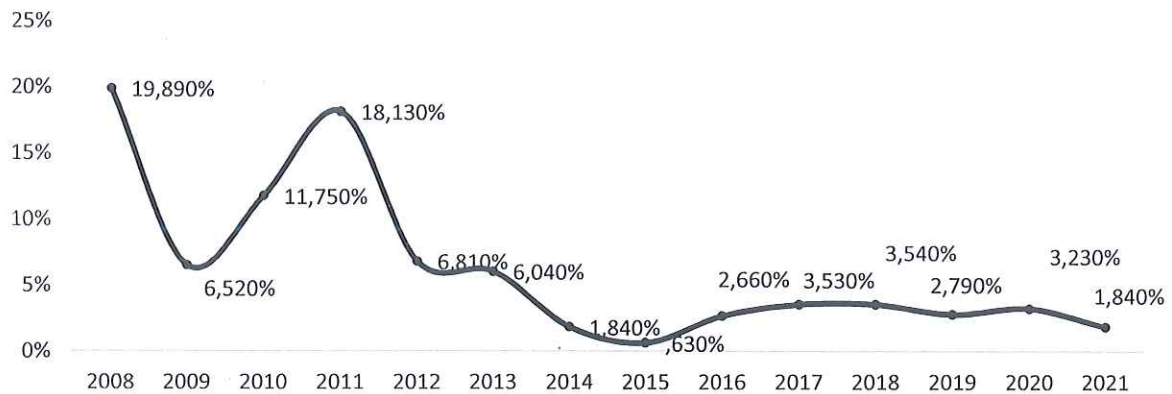
Nguồn: VCBS Research

Bước sang năm 2022, lãi suất huy động của nhiều ngân hàng tăng nhẹ từ 0,1-0,3%. Tuy nhiên lãi suất trong năm 2022 được nhận định vẫn sẽ ổn định để hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch nhờ các yếu tố: (1) thanh khoản hệ thống được hỗ trợ từ hoạt động mua ngoại tệ của NHNN, lượng tiền VNĐ được bổ sung vào hệ thống ngân hàng ở nửa cuối năm theo kênh này ước tính vào khoảng 200-300 nghìn tỷ đồng; (2) Vốn ngắn hạn co vay trung dài hạn, tỷ lệ dư nợ tín dụng/vốn huy động vẫn ở mức an toàn; (3) Một số ngân hàng có thể sử dụng nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng quốc tế để thay thế cho việc huy động trong nước.

Với mô hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng khoản vay từ Ngân hàng để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất. Để hạn chế tác động của lãi suất lên hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vốn vay từ ngân hàng và thay bằng các nguồn khác có chi phí vốn thấp hơn, đồng thời tăng cường huy động vốn cho sản xuất kinh doanh từ các cổ đông của Tổng Công ty thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Dự kiến, trong thời gian tới, cùng với chủ trương hạ mức lãi suất ngân hàng, rủi ro lãi suất sẽ giảm đối với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

c) Lạm phát:

Tỷ lệ lạm phát Việt Nam giai đoạn 2008 – 2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kìm hãm được mức tăng của chỉ số CPI.

Giai đoạn 2011-2017 đánh dấu thời kỳ giữ lạm phát ổn định ở mức thấp nhất trong hơn 10 năm qua. Lạm phát ổn định ở mức thấp, ổn định kinh tế vĩ mô được giữ vững, thị trường ngoại hối, tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng lên mức kỷ lục, thanh khoản hệ thống ngân hàng được cải thiện vững chắc là những yếu tố cơ bản được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế sử dụng làm căn cứ để nâng hệ số tín nhiệm của Việt Nam.

Từ năm 2017 đến năm 2021 chỉ số CPI đã được kiểm soát thành công, duy trì mức dưới 4%/năm. Tính chung cả năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Tuy nhiên, xung đột giữa Nga và U-crai-na đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn ảnh hưởng đến hàng triệu người và là một cú sốc ảnh hưởng nặng nề đến tăng trưởng toàn cầu. Giá các loại hàng hóa trên thị trường thế giới tăng cao, đặc biệt là giá dầu thô, khí đốt tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng tăng mạnh nhất kể từ năm 2011, tạo áp lực lớn đến lạm phát toàn cầu. Dự báo gần đây về tăng trưởng toàn cầu năm 2022 của các tổ chức quốc tế đều giảm so với các dự báo đưa ra trước đó.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành thi công xây dựng công trình như TTL, lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả SXKD của TTL thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, nhân công, lãi vay... Trường hợp tỷ lệ lạm phát được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp cũng như của TTL, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh. Để giảm thiểu các rủi ro tăng giá và chi phí, Công ty luôn tìm cách khai thác và đa dạng hóa các nguồn cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu, nhân công và chi phí xây dựng khác để có được cơ hội tiếp cận đến nguồn chi phí thấp nhất đồng thời nghiên cứu, triển khai biện pháp thi công, thiết kế tối ưu nhất để tiết kiệm chi phí.

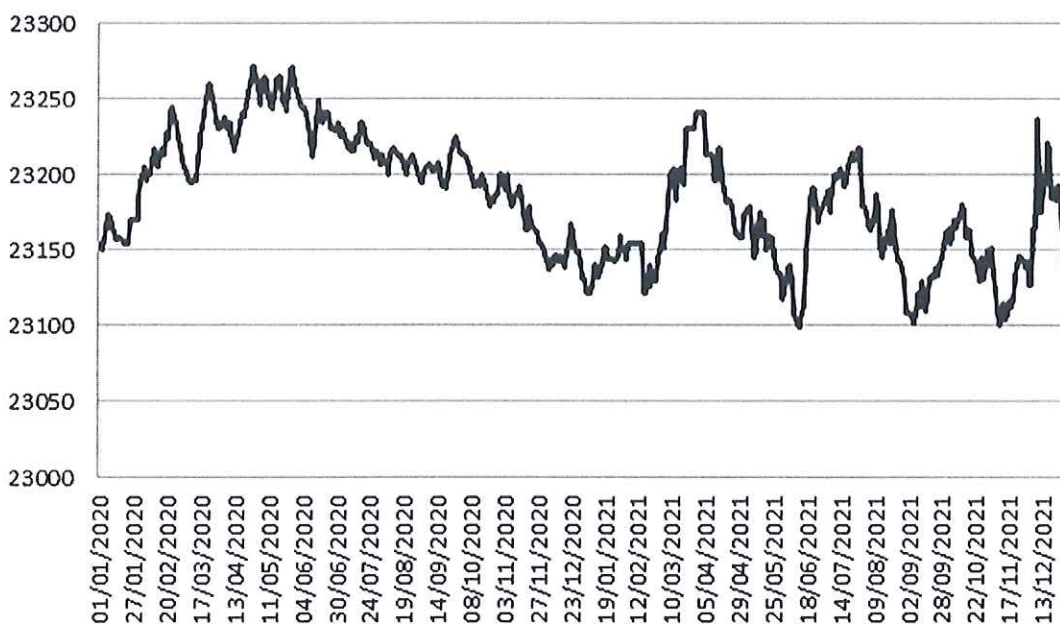
e) Tỷ giá hối đoái:

Tỷ giá hối đoái cũng là một nhân tố có tác động không nhỏ đến nền kinh tế của các quốc gia có hoạt động ngoại thương lớn như Việt nam. Mỗi biến động trên thị trường ngoại hối quốc tế và Việt nam sẽ có ảnh hưởng ngay tức thì tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt nam, cũng như tới cán cân thanh toán quốc gia.

Năm 2019, tỷ giá chịu ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, ngoài ra việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) giảm lãi suất 3 lần và sự điều tiết cung ngoại hối của Ngân hàng nhà nước đã ảnh hưởng lên các đợt tăng mạnh của tỷ giá. Trong năm 2019, tỷ giá trung tâm USD/VND đã có 3 lần lập đỉnh. Năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid 19 khiến thị trường vàng, chứng khoán liên tục biến động nhưng tỷ giá USD/VND vẫn tương đối ổn định do việc dự trữ ngoại hối cao kỷ lục, Ngân hàng Nhà nước có đủ công cụ và nguồn lực để điều hành tỉ giá theo hướng ổn định, đáp ứng cung-cầu thị trường.

Bước sang năm 2021, Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh giảm tỷ giá USD/VND mua giao ngay tổng cộng 3 lần sau khi Mỹ và Việt Nam tiếp tục đạt được tiếng nói chung và phía Việt Nam cam kết không cố tình can thiệp vào thị trường để làm giảm giá VND. Từ đó tỷ giá giao dịch thực tế tại NHTM đã giảm tới 1,14% so với cuối năm 2020, tương đương VND đã lên giá 1,14% so với đồng USD. Trên thị trường liên ngân hàng, tại ngày 31/12/2021 tỷ giá USD/VND đạt 22.826 đồng giảm 1,18% so với đầu năm. Đặc biệt, tháng 4/2021, Bộ Tài chính Mỹ đã xác định không có đủ bằng chứng, dấu hiệu cho thấy Việt Nam thao túng tiền tệ và quyết định không có hành động trừng phạt thương mại với Việt Nam.

Diễn biến tỷ giá trung tâm 2020-2021



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Năm 2022, theo dự báo của nhiều chuyên gia, tỷ giá có thể chịu áp lực tăng dưới nhiều sức ép do: Trên thị trường quốc tế, USD có xu hướng mạnh lên trước viễn cảnh Fed sẽ dần thắt chặt tiền tệ; Trong nước, tài khoản vãng lai suy yếu, dòng vốn nước ngoài chậm lại, lãi suất giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua cũng khiến dòng tiền tìm kiếm các kênh đầu tư khác trong đó có USD.

TTL có các giao dịch mua, bán trong và ngoài nước, có thông qua hoặc sử dụng thanh toán bằng ngoại tệ (USD, JPY,...). Do đó, bất kì sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của TTL. Trong trường hợp VNĐ bị mất giá so với đồng ngoại tệ, TTL sẽ được hưởng lợi từ chênh lệch tỷ giá và ngược lại. Do đó, để hạn chế rủi ro về tỷ giá, TTL có kế hoạch điều hành hoạt động kinh doanh hợp lý để có thể giảm thiểu ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá.

2. Rủi ro về pháp luật

Hoạt động đầu tư kinh doanh của TTL chịu sự điều chỉnh của một số các văn bản luật như: Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Đầu tư; Luật đầu tư công; Luật đấu thầu.... Hiện nay, chính sách pháp luật trong các lĩnh vực hoạt động của TTL, đặc biệt là trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng giao thông có nhiều sự thay đổi dẫn đến các hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh của TTL chịu nhiều ảnh hưởng. Để hạn chế các rủi ro về mặt luật pháp, TTL luôn tiến hành cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của TTL, từ đó điều chỉnh các hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh phù hợp hơn.

3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro hoạt động:

Đặc thù hoạt động của Tổng công ty là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng mà chủ đầu tư lập dự toán còn thiếu tương xứng với nguồn vốn đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính.

Để khắc phục rủi ro này, Tổng công ty thực hiện biện pháp tập trung đẩy nhanh tiến độ công trình, tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn, thi công đến đâu nghiệm thu ngay đến đó, không để giá trị dở dang nhiều. Các công trình đã thi công xong tập trung quyết toán, làm bảo lãnh tiền giữ lại để thu hồi vốn nhanh.

b) Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào:

Với đặc thù của một đơn vị thi công xây lắp, chi phí nguyên vật liệu của Tổng công ty chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí. Bên cạnh đó công nghệ thi công của Tổng công ty chủ yếu dựa vào hệ máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng; để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nhiên vật liệu hiện nay Tổng công ty sử dụng chịu khá nhiều ảnh hưởng của sự biến động của giá cả nhiên liệu trong nước và thế giới, giá cả các loại vật liệu xây dựng như nhựa đường, xi măng, sắt thép, vật liệu nổ, giá xăng dầu... đều có xu hướng tăng, do đó tác động không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Tổng công ty.

Xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này, Tổng công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm hạn chế biến động của nguồn nguyên nhiên vật liệu như ký kết các hợp đồng xây lắp

có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động, ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu dài hạn và tạo dựng mối quan hệ làm ăn nhằm hạn chế tối đa rủi ro này.

c) Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:

Thị trường xây dựng phụ thuộc nhiều vào kế hoạch đầu tư, khối lượng và tiến độ thi công các công trình, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều đem lại sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh một mặt không thể tránh khỏi áp lực phải hạ giá thi công, ảnh hưởng đến doanh số và lợi nhuận, mặt khác đòi hỏi các doanh nghiệp xây dựng phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị phần tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ bàn giao sản phẩm.

d) Rủi ro về mặt kỹ thuật:

Lĩnh vực xây dựng đòi hỏi phải có hệ thống thiết bị kỹ thuật và máy móc thi công phù hợp và đảm bảo. Với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật thì sự lỗi thời là khó tránh khỏi, đòi hỏi Tổng công ty phải có chế độ khấu hao và kế hoạch mua sắm máy móc trang thiết bị hợp lý nhằm giảm thiểu giá thành nhưng vẫn đảm bảo hệ thống kỹ thuật phục vụ thi công xây dựng.

e) Rủi ro về vốn thanh toán:

Rủi ro này xuất phát từ đặc thù của ngành xây dựng đó là các dự án thi công thường có thời hạn tương đối dài trong khi vốn đầu tư lớn, các khoản phải thu khách hàng chưa thu hồi được ngay. Do đó Tổng Công ty phải huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để khắc phục các tồn tại trên. Tổng Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp bước đầu mang lại hiệu quả như: thường xuyên rà soát các khoản công nợ phải thu để thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ, giao trách nhiệm cho tập thể/cá nhân đi thu hồi công nợ, tăng cường công tác quyết toán công trình.

4. Rủi ro của đợt chuyển nhượng vốn

Đợt chuyển nhượng vốn cổ phần của Tổng công ty Thăng Long - CTCP sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức bán đấu giá công khai, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn của cổ phiếu Tổng công ty Thăng Long - CTCP. Vì vậy, tồn tại rủi ro không chuyển nhượng được số cổ phần dự kiến chuyển nhượng.

5. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của TTL có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như: Rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng của những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch,... làm giảm lợi nhuận của TTL hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của TTL.

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Ông: **Đình Việt Tùng** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 07/2022/ĐTKDV-VPĐH ngày 14/03/2022 của Tổng Giám đốc)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Công ty có vốn của doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Ông: **Nguyễn Việt Hà** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Bà: **Trần Thị Thu Thanh** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 07/2021/UQ-TGD ngày 26/02/2021 của Tổng Giám đốc)

Bản công bố thông tin này là một phần trong hồ sơ chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP cung cấp.

Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này dựa vào các thông tin, số liệu và tài liệu do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP cung cấp, cũng như được tham khảo từ các nguồn khác mà chúng tôi coi là đáng tin cậy. Các thông tin và số liệu về Tổng Công ty Thăng Long - CTCP trong Bản công bố thông tin này đã được Tổng Công ty Thăng Long - CTCP xác nhận, SHS không chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP cung cấp và SHS thu thập được cũng như các thông tin trong Bản công bố thông tin.

Bản công bố thông tin này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại về số liệu tài chính tính đến ngày 31/03/2022, một số thông tin khác đã được cập nhật đến thời điểm ký ban hành Bản công bố thông tin. Các sự kiện xảy ra sau các mốc thời gian này chưa được xem xét và

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, Tổ chức tư vấn không có nghĩa vụ phải cập nhật lại Bản công bố thông tin đối với các sự kiện này.

Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, các quy định của pháp luật hiện hành và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
- Công ty có vốn của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng: Tổng Công ty Thăng Long - CTCP
- Tổ chức tư vấn/SHS: CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- Công ty kiểm toán báo cáo tài chính: Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt
- Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán
- Điều lệ: Điều lệ của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP thông qua
- Vốn điều lệ: Là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu: Chứng chỉ do Tổng Công ty Thăng Long - CTCP phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP
- BCTC: Báo cáo tài chính
- VDL: Vốn điều lệ
- DHDCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- ĐKKD: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- HĐQT: Hội đồng quản trị

- TGD:	Tổng giám đốc
- BKS:	Ban kiểm soát
- TSCĐ:	Tài sản cố định
- SCIC:	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
- TTL/TLG:	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP
- TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
- CTCP:	Công ty cổ phần
- SHS, Tổ chức tư vấn:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- SXKD:	Sản xuất kinh doanh
- HĐKD:	Hoạt động kinh doanh
- DTT:	Doanh thu thuần
- VCSH:	Vốn chủ sở hữu
- LNST:	Lợi nhuận sau thuế
- CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
- GTVT:	Giao thông vận tải
- NHNN:	Ngân hàng Nhà nước
- VND:	Việt Nam Đồng


III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:

- Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài:	STATE CAPITAL INVESTMENT CORPORATION
- Tên viết tắt:	SCIC
- Tên giao dịch:	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN

NHÀ NƯỚC

- Trụ sở chính: Tầng 23, tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024.62780191
- Fax: 024.62780136
- Website: www.scic.vn
- Logo: 
- Quyết định thành lập số: 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ
- Giấy chứng nhận DKDN: Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 09/07/2010, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 13/05/2019
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000.000 đồng (Năm mươi nghìn tỷ đồng)
- Lĩnh vực hoạt động chính:
 - ✓ Tiếp nhận và quản lý phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do các Bộ, các UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chuyển giao gồm: công ty TNHH MTV; công ty TNHH 2TV; công ty liên doanh có vốn góp của nhà nước; công ty cổ phần được cổ phần hóa từ các doanh nghiệp độc lập 100% vốn nhà nước hoặc mới thành lập; các tập đoàn kinh tế, tổng công ty; và doanh nghiệp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
 - ✓ Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp và phần vốn do SCIC tiếp nhận và trực tiếp đầu tư;
 - ✓ Tiếp tục sắp xếp, cổ phần hóa, bán vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp được chuyển giao theo quy định hiện hành;
 - ✓ Đầu tư vốn vào: Các tập đoàn, tổng công ty, hoặc công ty mẹ hoạt động trong những lĩnh vực, ngành nghề nhà nước cần nắm giữ quyền chi phối; Các dự án theo chỉ định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; Các ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế theo quy định

của pháp luật;

- ✓ Cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp, các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

- **Năm 2005:** Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) được thành lập với Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Với chức năng quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp nhà nước nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường.
- **Năm 2006:** SCIC chính thức đi vào hoạt động từ 08/2006 với nhiệm vụ quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, tài sản, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin, ...
- **Năm 2010:** SCIC được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển sang mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10/06/2010.
- **Năm 2013:** Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của SCIC.
- **Năm 2017:** Chính phủ ban hành Nghị định số 147/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 151/2013/NĐ-CP và Nghị định số 148/2017/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.
- **Năm 2018:** Bộ Tài chính đã hoàn thành việc bàn giao SCIC về Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước là cổ đông nhà nước và là cổ đông lớn tại Tổng công ty Thăng Long – CTCP.

3. Số cổ phần sở hữu

Số cổ phần thuộc sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là **10.500.000** cổ phần (chiếm tỷ lệ **25,05%** tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

4. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu

SCIC chào bán toàn bộ số lượng cổ phiếu đang sở hữu tại Tổng Công ty Thăng Long –

CTCP, tương đương tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu là 100%.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG (TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP)

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: TÔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: THANG LONG JOINT STOCK CORPORATION
- Tên gọi tắt: TLG
- Trụ sở chính: Số 72 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Văn phòng giao dịch: Tầng 20, Tòa nhà Handico Tower, Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3834 3087 Fax: (84-24) 3834 5212
- Website: www.tlg.com.vn
- Logo: 
- GCN ĐKKD: 0100105020 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 19/08/2021
- Vốn điều lệ đăng ký: 419.080.000.000 đồng (Bốn trăm mười chín tỷ không trăm tám mươi triệu đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 419.080.000.000 đồng (Bốn trăm mười chín tỷ không trăm tám mươi triệu đồng)
- Lĩnh vực kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
2	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

4	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
6	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
7	Cho thuê xe có động cơ	7710
8	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
9	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
10	Xây dựng công trình đường sắt	4211
11	Xây dựng công trình đường bộ	4212 (chính)
12	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
14	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
15	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
16	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
17	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
18	Xây dựng nhà để ở	4101
19	Xây dựng nhà không để ở	4102
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
21	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
22	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế công trình cầu, đường bộ - Giám sát thi công xây dựng công trình cầu, đường bộ - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp - Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ, dân dụng và công nghiệp - Giám sát công trình thủy lợi - Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán công trình xây dựng (chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);	7110
23	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế đồ họa	7410
24	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Thăng Long – CTCP tiền thân là Xí nghiệp Liên hợp Cầu Thăng Long được thành lập theo Quyết định số 2896/QĐ-TC ngày 06/07/1973 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải gồm nhiều xí nghiệp thành viên hạch toán tập trung với nhiệm vụ đầu tiên là xây dựng cầu Thăng Long (1973-1985) - cây cầu lớn nhất thời bấy giờ có quy mô 2 tầng: tầng dưới là đường sắt và đường bộ, tầng trên là đường ô tô rộng 23m với tổng chiều dài toàn cầu trên 10 km.

Ngày 19/02/1984, Xí nghiệp Liên hợp Cầu Thăng Long được đổi tên thành Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng cầu Thăng Long.

Ngày 11/03/1992, Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Điện đã ra Quyết định số 395 đổi tên “Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng cầu Thăng Long” thành “Tổng công ty Xây dựng cầu Thăng Long”.

Đến năm 1995, Tổng công ty Xây dựng cầu Thăng Long được tổ chức lại theo Quyết định số 4987/QĐ – TCCBLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Ngày 22/04/1998, Tổng công ty Xây dựng cầu Thăng Long được đổi tên thành Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long theo Quyết định số 934/1998/QĐ-TCCB-LĐ của Bộ Giao thông vận tải.

Ngày 20/12/2006, Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 2854/QĐ-BGTVT thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty xây dựng Thăng Long.

Đến năm 2010, Công ty mẹ - Tổng công ty xây dựng Thăng Long được chuyển thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1762/QĐ - BGTVT ngày 25/06/2010 của Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty đã thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty. Ngày 06/01/2014, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 23/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng Thăng Long thành công ty cổ phần.

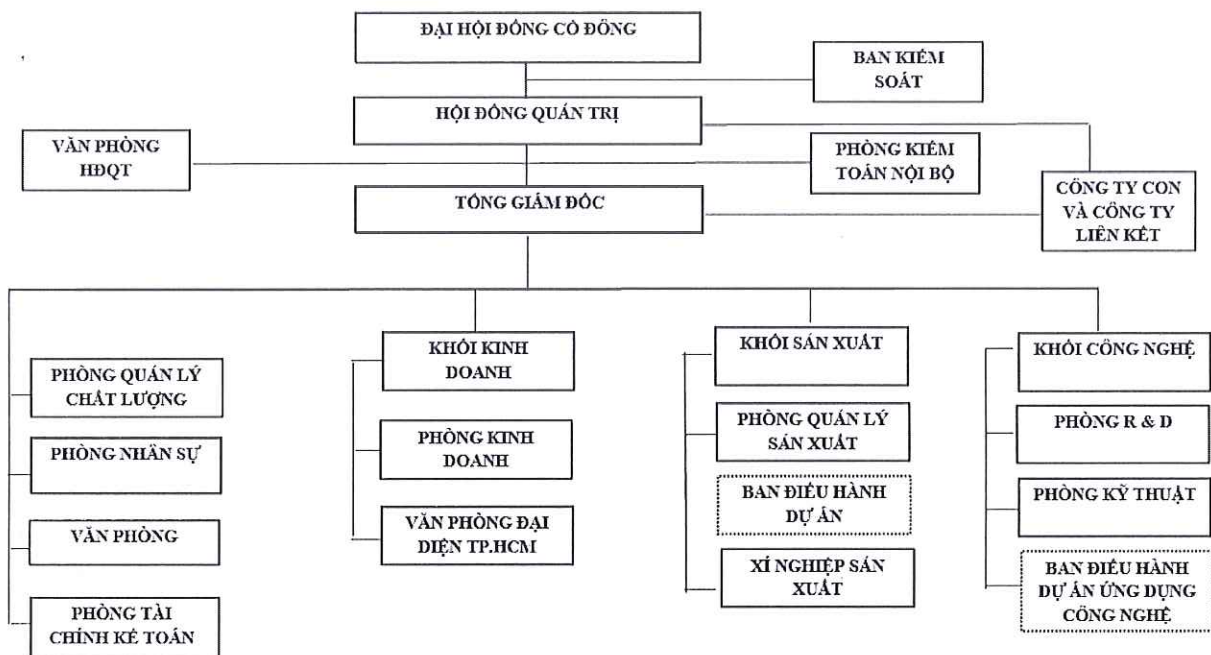
Sau Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất tổ chức ngày 07/05/2014, Tổng công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Xây dựng Thăng Long – CTCP. Tổng công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chính thức cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần vào ngày 28/05/2014, với vốn điều lệ ban đầu là 300 tỷ đồng.

Ngày 24/11/2014, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4, Tổng công ty chính thức đổi tên thành Tổng công ty Thăng Long – CTCP. Từ đó đến nay, Tổng công ty đã 4 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (lần thứ 05 ngày 03/02/2015, lần thứ 06 ngày 21/05/2015, lần thứ 07 ngày 06/07/2015, lần thứ 08 ngày 19/08/2021).

Ngày 18/01/2018, cổ phiếu của Tổng công ty Thăng Long – CTCP chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TTL.

Sau hơn 49 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty đã xây dựng hàng trăm cây cầu lớn, hàng nghìn công trình dân dụng, công trình giao thông, bến cảng, sân bay.... như: cầu Kiên, cầu Sông Gianh, cầu Phù Đổng, cầu Vĩnh Tuy, cầu Hoàng Long, cầu đường sắt, cầu Pá Uôn, đường cao tốc Sài Gòn-Trung Lương, đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, đường cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên – Quốc lộ 3, các nút giao cầu vượt thép tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh... Tất cả các dự án trên dù ở nhiều điều kiện địa hình, địa chất phức tạp đều được triển khai thi công an toàn, đảm bảo tiến độ, chất lượng, mỹ thuật, được các chủ đầu tư, tư vấn đánh giá cao. Cùng với việc khẳng định thương hiệu của một trong những đơn vị dẫn đầu ngành xây dựng cơ sở hạ tầng, Tổng công ty đã thể hiện hiệu quả vai trò nhà đầu tư thông qua các dự án tiêu biểu như: Dự án BOT cầu Yên Lệnh, Yên Lệnh - Vực Vòng, Dự án BOT đường 188...

2. Cơ cấu tổ chức công ty (tại thời điểm 31/03/2022)



Nguồn: TTL

Mô hình tổ chức của Tổng Công ty được xây dựng theo mô hình công ty cổ phần và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Tổng Công ty... Bộ máy quản lý Tổng Công ty chia thành các Phòng và Khối chức năng nhiệm vụ, cụ thể mô hình tổ chức và bộ máy quản lý Tổng Công ty hiện nay như sau:

• **Đại hội đồng cổ đông:**

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

• **Ban kiểm soát:**

BKS gồm ba (03) thành viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty.

• **Hội đồng quản trị:**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền nhân danh Tổng công ty để tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty.

- **Ban điều hành:**

Có nhiệm vụ điều hành việc thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đưa ra nhằm thực hiện các chiến lược, kế hoạch của Tổng công ty.

- **Văn phòng HĐQT:**

Thực hiện nhiệm vụ điều phối hoạt động và các cuộc họp của HĐQT, xây dựng định hướng chiến lược, quản lý quan hệ cổ đông, quản lý hoạt động người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp, kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông; Thường trực công bố thông tin,...

- **Phòng Kiểm toán nội bộ:**

Bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ Tổng công ty, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở kiểm toán hoạt động và tuân thủ theo luật kiểm toán. Tuân theo hoạt động và yêu cầu của Hội đồng quản trị nhằm thực hiện các dự án kiểm toán bất thường đặc biệt. Cung cấp các đề xuất giúp cải thiện hiệu quả hoạt động và dịch vụ tham vấn hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm tăng cường hiệu quả và hiệu năng hoạt động của Tổng công ty.

- **Phòng Quản lý chất lượng:**

Chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của toàn hệ thống; nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát chất lượng; tiếp nhận, xử lý các khuyến nghị cải tiến; theo dõi thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các cải tiến trong phạm vi toàn hệ thống; rà soát thường xuyên hệ thống văn bản quản lý chất lượng hiện hành, tổ chức cập nhật, xây dựng, chuyển giao các tài liệu (quy trình, quy định, ...).

- **Phòng Nhân sự:**

Có trách nhiệm xây dựng chính sách, hệ thống quản lý nguồn nhân lực hiệu quả; quản lý và phát triển nguồn nhân lực hiệu quả; đảm bảo cung cấp hiệu quả các yêu cầu dịch vụ nhân sự: tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng, bảo hiểm xã hội, và các chế độ đãi ngộ; đảm bảo tính tuân thủ các quy định của nội bộ và pháp luật đối với quan hệ lao động; chủ trì công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật nhân sự theo đúng quy chế của nội bộ và quy định của pháp luật...

- **Văn phòng:**

Có chức năng cung cấp hiệu quả các dịch vụ hành chính văn phòng; đảm bảo trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác điều hành và sản xuất luôn sẵn sàng, bảo mật và tiện lợi; đảm bảo quản lý và khai thác hiệu quả tài sản trang thiết bị văn phòng; đảm bảo công tác văn thư, lưu trữ hiệu quả, đúng quy định; tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty trong việc chỉ đạo, quản lý công tác hành chính, quản trị; quản lý trang thiết bị, tài sản; công tác hậu cần; công tác thi đua khen thưởng, tuyên truyền....

- **Phòng Tài chính – Kế toán:**

Tham mưu giúp HĐQT/TGD trong việc chỉ đạo và quản lý thống nhất các mặt hoạt động về tài chính, kế toán của Tổng công ty theo đúng luật kế toán và các chính sách do Nhà nước ban

hành; đảm bảo thực hiện công tác hạch toán kế toán và lưu trữ chứng từ kế toán, sổ sách kế toán theo đúng các quy định; thực hiện giải ngân các khoản vay và thanh toán theo đúng quy định của Tổng công ty; kê khai và quyết toán các loại thuế liên quan, báo cáo thuế theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo hiệu quả việc thẩm định về mặt tài chính các dự án đầu tư; phân tích, đề xuất phương hướng, biện pháp cải tiến quản lý hoạt động tài chính kế toán hàng năm...

• **Khối Kinh doanh:**

Bao gồm các phòng ban: Phòng Kinh doanh và Văn phòng đại diện Thành phố Hồ Chí Minh. Khối kinh doanh chịu trách nhiệm xúc tiến, tìm kiếm các hợp đồng, dự án mới cho Tổng công ty; đảm bảo hiệu quả công tác tìm kiếm và đánh giá cơ hội đầu tư các sản phẩm đầu tư; đảm bảo doanh số bán hàng sản phẩm đầu tư; kiểm soát chi phí Marketing và bán hàng sản phẩm đầu tư; xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và trung hạn phù hợp với chiến lược kinh doanh và điều kiện thực tế.

• **Khối sản xuất:**

Khối sản xuất có ở miền Bắc và miền Nam, đây là 2 khối trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ thi công, sản xuất các công trình và dự án của Tổng công ty. Trong cơ cấu của khối bao gồm: Phòng Quản lý sản xuất, các Ban điều hành dự án và các Xí nghiệp sản xuất. Nhiệm vụ của khối là đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng dự án; đảm bảo quản lý giá trị sản phẩm dở dang và thu hồi công nợ hiệu quả, đảm bảo việc lựa chọn Nhà thầu phụ, đơn vị sản xuất trực tiếp,...

• **Khối công nghệ:**

Bao gồm phòng R&D, Phòng kỹ thuật và Ban điều hành dự án ứng dụng công nghệ. Khối công nghệ có trách nhiệm chủ trì xây dựng các phương án kỹ thuật trong Hồ sơ đấu thầu các dự án, chủ trì thiết kế bản vẽ thi công, biện pháp tổ chức thi công, đảm bảo huy động máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu của sản xuất; chịu trách nhiệm trong các hoạt động kỹ thuật công nghệ thi công, sản xuất, ứng dụng tại Tổng công ty. Chịu trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu và đề xuất các ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

• **Các Công ty con:**

- CTCP Cầu 1 Thăng Long;
- CTCP Cầu 35 Thăng Long;
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh.

• **Các công ty liên kết:**

- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long;
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông;
- Công ty TNHH BOT Đường 188.

3. Cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty (tại ngày 03/03/2022)

STT	Họ và tên	CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty cổ phần TASCO	0600264117	Tầng 4 Nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	16.181.675	38,61%
2	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	1800278630	Số 77 phố Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.000.000	7,16%
3	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	0103085460	Tầng 5, tòa nhà Hồng Hà Center, 25 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.000.000	7,16%
4	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	0101992921	Tầng 23, tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội	10.500.000	25,05%
	Tổng cộng			32.681.675	77,98%

Nguồn: TTL

3.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 03/03/2022

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	432	41.844.590	418.445.900.000	99,85
1	Tổ chức	05	32.681.725	326.817.250.000	77,98
2	Cá nhân	427	9.162.865	91.628.650.000	21,87
II	Cổ đông nước ngoài	05	9.110	91.100.000	0,02
1	Tổ chức	02	5.600	56.000.000	0,01
2	Cá nhân	03	3.510	35.100.000	0,01
III	Cổ phiếu quỹ	01	54.300	543.000.000	0,13
	Tổng cộng	438	41.908.000	419.080.000.000	100

Nguồn: TTL

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổng công ty Thăng Long – CTCP, những công ty mà Tổng công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổng Công ty Thăng Long – CTCP

4.1. Danh sách công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

đối với Tổng Công ty: Không có

4.2. Danh sách công ty con và những công ty mà Tổng công ty Thăng Long – CTCP nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại ngày 31/03/2022

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh/ Lĩnh vực hoạt động	VĐL đăng ký (Triệu đồng)	VĐL thực góp (Triệu đồng)	Vốn thực góp theo mệnh giá của TTL (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của TTL (%)
1	CTCP Cầu 1 Thăng Long	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	Xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công nghiệp, dân dụng (nhà ở, nhà làm việc, văn phòng); Sản xuất vật liệu xây dựng; Nhà	40.000	40.000	33.058	82,65%
2	CTCP Cầu 35 Thăng Long	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây dựng các công trình giao thông	5.000	5.000	3.250	65,00%
3	Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Xây dựng công trình giao thông, quản lý cầu đường bộ, hỗ trợ kinh doanh chuyên giao cầu đường bộ	170.513	170.513	109.644	64,30%

Nguồn: TTL

4.3. Danh sách những công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31/03/2022

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh/ Lĩnh vực hoạt động	VĐL đăng ký (Triệu đồng)	VĐL thực góp (Triệu đồng)	Vốn thực góp theo mệnh giá của TTL (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của TTL (%)
1	Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long	Thôn Xâm Dương, Xã Ninh Sở, Huyện Thường Tín, Thành phố	Sản xuất các cấu kiện kim loại, lắp ráp kết cấu thép	59.160	59.160	26.948	45,55%

		Hà Nội					
2	Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất bê tông tươi, lắp đặt trạm trộn, sản xuất cấu kiện bê tông	25.000	25.000	12.250	49,00%
3	Công ty TNHH BOT Đường 188	Khu phố ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Xây dựng công trình, hỗ trợ kinh doanh chuyên giao cầu đường bộ	81.000	81.000	17.844	22,03%

Nguồn: TTL

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm, dịch vụ chính của TTL:

Là một đơn vị có truyền thống về xây dựng công trình giao thông, Tổng công ty Thăng Long – CTCP đang tập trung vào các lĩnh vực chính như sau: Xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và công nghiệp, dịch vụ phụ trợ xây dựng cầu đường.

Với trên 47 năm hình thành và phát triển, từ tiền thân là Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng cầu Thăng Long, đến nay, Tổng công ty Thăng Long – CTCP đã lớn mạnh, trở thành một thương hiệu mạnh, có uy tín hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông không chỉ trong ngành giao thông vận tải mà vươn lên tầm quốc gia trong vai trò nhà thầu chủ lực. Tổng Công ty Thăng Long – CTCP hiện có đội ngũ kỹ sư giỏi, công nhân lành nghề và đã ứng dụng được nhiều công nghệ tiên tiến, hiện đại của thế giới trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông vận tải. Tổng công ty được đánh giá là một trong những đơn vị xây lắp có nguồn lực tài chính và thi công thuộc loại chắc chắn, nhiều kinh nghiệm trong ngành giao thông vận tải. Hầu hết các công trình do Tổng công ty thi công đều đảm bảo tiến độ, được đánh giá cao về chất lượng và mỹ thuật.

Một số công trình tiêu biểu mà Tổng công ty Thăng Long đã thực hiện như sau:

TT	Tên công trình	Địa điểm	Giá trị hợp đồng (Triệu đồng)	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	
					Khởi công	Hoàn thành
1	Cầu Bến Thủy	TP. Vinh	17.524	Bộ GTVT	1986	1990
2	Cầu Việt Trì	Phú Thọ	117.263	Bộ GTVT	1987	1995
3	Cầu Mẹt	Lạng Sơn	3.848	Bộ GTVT	1993	1996
4	Cầu Sông Gianh	Quảng Bình	21.323	Ban QLDA 85	1995	1998

				- Bộ GTVT		
5	Cầu Hoàng Long và cầu Hàm Rồng vượt - Gói thầu 4 - Dự án cải tạo và nâng cấp quốc lộ 1 (tỉnh Thanh Hoá)	Thanh Hóa	165.540	Ban QLDA 18 - Bộ GTVT	1997	2000
6	6 cầu đoạn Hà Nội - Vinh Gói thầu 1 - Dự án cải tạo và nâng cấp quốc lộ 1 (Từ tỉnh Hà Nam đến tỉnh Nghệ An)	Từ Hà Nam đến Nghệ An	309.971	Ban QLDA 18 - Bộ GTVT	1996	2000
7	6 cầu đường sắt - Gói thầu 2 - Dự án cải tạo và nâng cấp cầu đường sắt Hà Nội TP Hồ Chí Minh	Từ Hà Tĩnh Bình Định	238.309	Ban QLDA đường sắt Bộ GTVT	1998	2000
8	Cầu Trung Hà Quốc lộ 3 (Tỉnh Hà Tây)	Hà Tây	84.970	Ban QLDA Thăng Long Bộ GTVT	1999	2002
9	Cầu Kiên - Gói thầu B5 - Dự án nâng cấp cải tạo quốc lộ 10 (TP. Hải Phòng)	QL10 - Hải Phòng	316.422	Ban QLDA 18 - Bộ GTVT	2001	2003
10	Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn từ Km 164+000 - Km 321+000 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình và Quảng Trị	Từ Thanh Hóa - Quảng Trị	677.086	Ban QLDA đường Hồ Chí Minh Bộ GTVT	2000	2003
11	Dự án cải tạo quốc lộ 18 - Gói thầu 1:	QL18 đoạn Nội Bài - Bắc	433.839	Ban QLDA 2 - Bộ GTVT	2001	2003

	đoạn Nội Bài - Bắc Ninh (làm mới)	Ninh				
12	Cầu Bông Sơn, Bàn Thạch, Đà Rằng, Tam Giang và Diêu Trì - Gói thầu 3 Dự án nâng cấp cải tạo quốc lộ 1 (giai đoạn II-3)	Quốc lộ 1	616.680	Ban QLDA 18 - Bộ GTVT	2001	2004
13	Dự án cải tạo quốc lộ 18 - Gói thầu 1A: Mở rộng đoạn Nội Bài - Bắc Ninh	QL18 đoạn Nội Bài - Bắc Ninh	583.065	Ban QLDA 2 - Bộ GTVT	2005	2008
14	Cầu Vĩnh Tuy	Hà Nội	310.973	Ban QLDA Hạ tầng Tả Ngạn	2005	2009
15	Dự án đường ô tô cao tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương	TP HCM và Long An	1.200.000	Ban QLDA Mỹ Thuận Bộ GTVT	2005	2009
16	Dự án xây dựng cầu Sông Hồng (Thanh Trì) - Gói thầu 3A: Cầu cạn Pháp Vân kéo dài	Hà Nội	993.351	Ban QLDA - Bộ GTVT	2008	2010
17	Dự án xây dựng cầu Thanh Trì (cầu Sông Hồng) - Gói thầu 6: cầu Phù Đổng II	Hà Nội	495.025	Ban QLDA Thăng Long Bộ GTVT	2008	2012
18	Dự án XD đường vành đai 3 (giai đoạn 2) - Gói thầu 3: đoạn Thanh Xuân - Bắc hồ Linh Đàm	Hà Nội	1.338.000	Ban QLDA Thăng Long Bộ GTVT	2010	2012
19	Dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt tuyến HN - TP HCM - Gói thầu	Từ Thừa Thiên Huế - Quảng Nam	1.087.000	Ban QLDA đường sắt TCT đường	2010	2012

	CP2: 10 cầu đường sắt			sắt Việt Nam		
20	Dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt tuyến HN - TP HCM - Gói thầu CP1D: 7 cầu đường sắt	Từ Thừa Thiên Huế - Quảng Nam	662.479	Ban QLDA đường sắt TCT đường sắt Việt Nam	2011	2013
21	Hợp đồng số 81/HĐ-XD. Gói thầu số 12: Xây dựng cầu dẫn Đông Trù phía Đông Anh và đường gom phía đê Bắc Đuống từ Km14+200 đến Km14+796 thuộc dự án Xây dựng đường 5 kéo dài	Hà Nội	738.163	Ban Quản lý dự án Hạ Tầng Tả Ngạn	2006	2014
22	Hợp đồng số 2068/HĐ-PMUTL. Gói thầu số 1: Xây dựng hoàn chỉnh nút giao giữa dự án cầu Thanh Trì với QL5	Hà Nội	817.488	Ban QLDA Thăng Long Bộ GTVT	2014	2015
23	04 gói thầu Quốc lộ 1 đoạn Nha Trang Khánh Hòa	Khánh Hòa	414.112	Ban QLDA 7	2013	2015
24	Hợp đồng số 173/HĐ-KQL2-QLDA3 xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai phía Đông	TP Hồ Chí Minh	570.880	Khu Quản lý Giao Thông đô thị số 2	2014	2016
25	Hợp đồng số 73: Thi công cầu vượt nút giao Km1 + 750 (Ecopark)	Hưng Yên	121.540	CTCP Tập đoàn Ecopark	2019	2019

26	Dự án hầm chui Tây Nam – Bắc Ninh	Bắc Ninh	158.207	Ban QLDA XD TP. Bắc Ninh	2017	2020
27	Nút giao Nam Cầu Bính	Hải Phòng	137.058	Ban QLDA đầu tư XD các công trình giao thông Hải Phòng	2018	2020
28	Xây dựng cầu vượt đường sắt Bắc Nam và Quốc lộ 1 (217)	Thanh Hóa	60.289	Ban QLDA Thăng Long	2017	2020
29	Cầu Phật Tích	Bắc Ninh	250.536	Ban QLDA XDGT Bắc Ninh	2018	Nay
30	Gói thầu số 5: Cầu vượt dân sinh Quế Võ – Bắc Ninh	Bắc Ninh	12.600	Ban QLDA XDGT Bắc Ninh	2018	2018
31	Cầu Bưng	TP Hồ Chí Minh	78.397	Ban QLDA đầu tư XD các công trình giao thông	2018	Nay (*)
32	Cầu Tăng Long	TP Hồ Chí Minh	54.024	Ban QLDA đầu tư XD các công trình giao thông	2017	Nay (*)
33	Gói thầu số 6-Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Thuộc Dự án: Hoàn chỉnh đường trục chính phù hợp với tiêu chuẩn đường cao tốc và xây dựng tuyến đường gom từ đường cao tốc đến sân bay Vân Đồn	Quảng Ninh	354.591	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh	2019	2021
34	Cầu Quang Thanh	Hải Phòng	398.600	Ban QLDA đầu tư XD các công trình giao thông	2020	2021

				Hải Phòng		
35	Gói thầu số 4-XL: thi công xây dựng đoạn Km83+000 - Km99+000 của cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây	Đồng Nai	1.020.000	Ban QLDA Thăng Long - Bộ GTVT	2020	Nay (*)
36	Gói thầu: CV-A2.9-NDTDP cụm công trình kênh nối Đáy - Ninh Cơ thuộc Dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ - Dự án WB6	Nam Định	184.211	Ban QLDA đường thủy - Bộ GTVT	2020	Nay (*)
37	Gói thầu số 27: Xây dựng cầu và nút giao thông cầu Rào 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Rào 1.	Hải Phòng	1.046.596	Ban QLDA khu vực các công trình giao thông vận tải Hải Phòng.	2020	2022
38	Gói thầu số 04: Xây dựng + Hạng mục chung công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến đường TL412 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng đi Suối Hai)	Ba Vì	156.700	Ban QLDA ĐTXD huyện Ba Vì	2020	Nay (*)
39	Gói thầu số 08: Thi công xây dựng các hạng mục bổ sung và di chuyển, hoàn trả các công trình hạ tầng chuyên ngành thuộc dự án ĐTXD nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt HN - HP, QL5 và đường 390, tỉnh Hải Dương	Hải Dương	154.089	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Hải Dương	2020	2022

40	Gói thầu XL01: Thi công xây dựng đoạn Km134+000 - Km154+000, nút giao Vĩnh Hảo và tuyến nối QL1 (bao gồm khảo sát, thiết kế BVTC) thuộc Dự án thành phần đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết	Đồng Nai	1.687.824	Ban QLDA 7	2020	Nay (*)
41	Gói thầu số 12: Thi công xây dựng phần đường cao tốc, cầu Đài Van, cầu Đài Xuyên 1, cầu cạn Km 83+200, cầu Tiên Yên 2 và hệ thống điện chiếu sáng (bao gồm công tác khảo sát, thiết kế BVTC và bảo đảm giao thông thủy cầu Tiên Yên 1)	Quảng Ninh	2.180.618	Ban QLDA đầu tư xây dựng các CTGT tỉnh Quảng Ninh	2021	Nay (*)
42	Gói thầu số 20: Thi công xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng từ ĐT.353 đến cầu Thái Bình (Km0 -- Km19+645)	Hải Phòng	717.865	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2021	Nay (*)

(*): Các công trình này hiện vẫn đang được tiếp tục xây dựng.

Nguồn: TTL

❖ **Hình ảnh một số sản phẩm của TTL:**



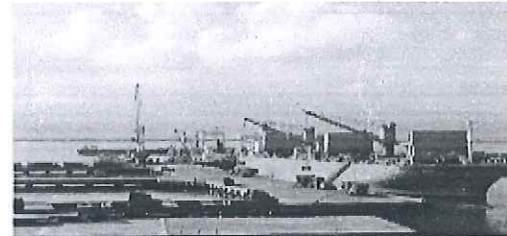
Hình ảnh 1: Đường vành đai 3
Đoạn Thanh Xuân - Bắc Linh Đàm
(2010-2012)



Hình ảnh 2: Cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Trung
Lương. Thi công các đường và cầu trên tuyến
(2005-2008)



Hình ảnh 3: Đường Nội Bài - Bắc Ninh
Dự án cải tạo QL18 (2001-2003)



Hình ảnh 4: Cảng Chân mây
Thừa Thiên Huế - 2006



Hình ảnh 5: Cảng hàng không Nội Bài
Hoàn thành năm 2000

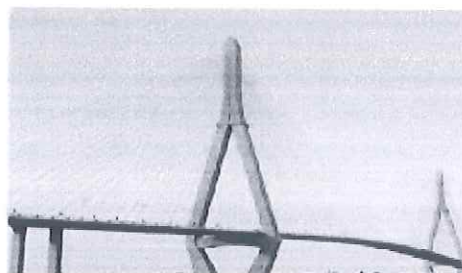


Hình ảnh 6: Cầu vượt đường sắt
Cầu vượt đường sắt Vinh - Nghệ An (2014)



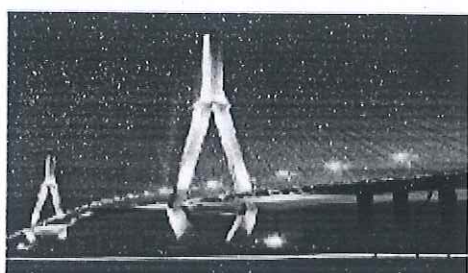
Hình ảnh 7: Cầu Sông Gianh

Cầu bắc qua Sông Gianh - Quảng bình Nhip
 đúc hẫng 120m



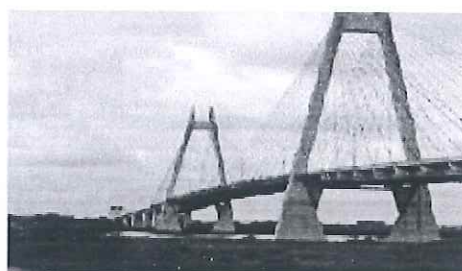
Hình ảnh 8: Dự án Cầu dây văng Thác Giề

Cầu dây văng tại Bắc kạn do Thăng long tự
 thiết kế và thi công (2001)



Hình ảnh 9: Cầu Cần Thơ

Gói thầu P1- cầu dẫn phía Vĩnh Long thuộc
 dự án cầu Cần thơ (2005-2009)



Hình ảnh 10: Dự án Cầu Kiên - Hải Phòng.

Cầu dây văng đầu tiên ở
 khu vực phía Bắc

❖ Cơ cấu doanh thu các mảng hoạt động

Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Doanh thu	Năm 2020		Năm 2021		Lũy kế đến Quý I/2022	
		Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu hợp đồng xây dựng	626.938	97,28%	1.105.059	97,62%	145.548	88,15%
2	Doanh thu các hoạt động khác	17.510	2,72%	26.913	2,38	19.569	11,85%
	Tổng	644.447	100%	1.131.973	100%	165.117	100%

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý I/2022 của TTL

Hợp nhất Tổng Công ty

Đơn vị: triệu đồng

TT	Doanh thu	Năm 2020		Năm 2021		Lũy kế đến Quý I/2022	
		Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu hợp đồng xây dựng	713.065	96,89%	1.158.198	91,59%	182.708	88,13%
2	Doanh thu các hoạt động khác	22.879	3,11%	106.349	8,41%	24.608	11,87%
	Tổng	735.944	100%	1.264.547	100%	207.316	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý I/2022 của TTL

Doanh thu hợp nhất của Tổng công ty trong năm 2021 tăng trưởng đột biến, đạt gần 1.265 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 71,82% so với năm 2020. Doanh thu tăng đột biến so với năm 2020 do trong năm 2021, Tổng Công ty thi công nhiều công trình đạt giá trị nghiệm thu lớn như: Cầu Rào I – Hải Phòng, Cầu Tiên Yên, Dự án mở rộng tuyến đường ven biển Hải Phòng – Thái Bình... Về cơ cấu doanh thu hợp nhất Tổng công ty, doanh thu hợp đồng xây dựng chiếm tỷ trọng lớn nhất với hơn 91% trên tổng doanh thu, phần còn lại là doanh thu đến từ các hoạt động khác.

❖ **Cơ cấu chi phí**

Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chi phí	Năm 2020		Năm 2021		Lũy kế đến Quý I/2022	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %/DTT	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %/DTT	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %/DTT
	Doanh thu thuần	638.122	100%	1.129.925	100%	165.117	100%
1	Giá vốn hàng bán	616.886	96,67%	1.099.287	97,29%	156.727	94,92%
2	Chi phí tài chính	4.946	0,78%	1.759	0,16%	2.165	1,31%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.920	6,57%	36.933	3,27%	8.489	5,14%

4	Chi phí khác	1.178	0,18%	4.195	0,37%	117	0,07%
	Tổng chi phí	664.929	104,20%	1.142.174	101,08%	167.498	101,44%

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý I/2022 của TTL

Hợp nhất Tổng Công ty

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chi phí	Năm 2020		Năm 2021		Lũy kế đến Quý I/2022	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %/DTT	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %/DTT	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %/DTT
	Doanh thu thuần	729.618	100%	1.262.499	100%	207.316	100%
1	Giá vốn hàng bán	688.825	94,41%	1.193.630	94,55%	181.803	87,69%
2	Chi phí tài chính	11.154	1,53%	31.661	2,51%	10.041	4,84%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	55.192	7,56%	55.209	4,37%	11.846	5,71%
4	Chi phí khác	1.824	0,25%	4.924	0,39%	209	0,10%
	Tổng chi phí	755.171	103,75%	1.285.423	101,82%	203.899	98,35%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý I/2022 của TTL

Các chi phí của TTL chiếm tỷ trọng rất lớn so với doanh thu thuần. Tổng chi phí trong năm 2021 lớn hơn doanh thu thuần, chiếm 101,82% so với doanh thu thuần của TTL; trong đó, chi phí trực tiếp được ghi nhận vào giá vốn hàng bán chiếm phần lớn ở mức 94,55%, chủ yếu bao gồm: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ thuê ngoài và các chi phí khác. Các chi phí còn lại chiếm tỷ trọng khoảng 7,27% doanh thu thuần của TTL, bao gồm chi phí tài chính (chủ yếu là lãi vay ngân hàng), chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác.

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm	Lũy kế đến Quý I/2022
Tổng giá trị tài sản	1.391.793	1.652.984	18,77%	1.721.786

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm	Lũy kế đến Quý I/2022
Doanh thu thuần	638.122	1.129.925	77,07%	165.117
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.613	8.914	452,47%	(0,58)
Lợi nhuận khác	10.408	(437)	-104,20%	1.191
Lợi nhuận trước thuế	12.021	8.477	-29,48%	1.190
Lợi nhuận sau thuế	12.021	8.477	-29,48%	1.190
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	104,45%	0%	-104,45%	0%

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý I/2022 của TTL

Trong năm 2021, doanh thu thuần của Tổng Công ty tăng đột biến, cao hơn 492 tỷ đồng so với năm 2020, tương ứng mức tăng 77,07% do trong năm triển khai và ghi nhận doanh thu của nhiều công trình lớn ký hợp đồng trong năm 2020 và đầu năm 2021. Tổng Công ty đã tiết giảm chi phí lãi vay và chi phí quản lý doanh nghiệp trong khi doanh thu và lợi nhuận gộp tăng đáng kể so với năm 2020. Vì vậy, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đã tăng mạnh so với năm trước.

Lợi nhuận khác của Tổng Công ty trong năm 2021 thấp hơn 104,45% so với năm 2020 do trong năm 2020, Tổng Công ty có nhận được khoản thu nhập đột biến từ lãi chậm trả (khoảng hơn 11,2 tỷ đồng) trên số tiền của Chủ đầu tư tạm giữ tại Dự án QL1 Nha Trang - Khánh Hòa, Công trình điện mặt trời Hàm Thuận Nam được ghi nhận vào khoản thu nhập khác. Trong năm 2021, lợi nhuận khác của Tổng công ty là -0.4 tỷ đồng do thu nhập khác đạt 3,7 tỷ đồng (bao gồm lãi chậm trả của công trình điện mặt trời và phí cung cấp nhân sự) trong khi chi phí khác lên tới 4,1 tỷ đồng (bao gồm lãi chậm trả nhà thầu phụ và giảm thuế khấu trừ sau kiểm tra).

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2021 chỉ đạt lần lượt 87,22% và 34,60% kế hoạch đề ra, nguyên nhân chủ yếu do:

- Một số dự án còn vướng thủ tục giải phóng mặt bằng, thay đổi thiết kế nên chưa hoàn thành theo kế hoạch và đặc biệt tình hình dịch Covid – 19 xảy ra cũng gây ảnh hưởng lớn tới các công trình trong nước cũng như Campuchia. Các dự án trúng thầu, ký kết hợp đồng hầu hết đều ở nửa cuối năm 2020 nên chưa thể chuyển hóa thành doanh thu, lợi nhuận.

- Các vướng mắc về giải quyết các công trình cũ đã dần giải quyết xong vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Hợp nhất Tổng công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm	Lũy kế đến Quý I/2022
Tổng giá trị tài sản	1.552.295	2.198.032	41,60%	2.231.459

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm	Lũy kế đến Quý I/2022
Doanh thu thuần	729.618	1.262.499	73,04%	207.316
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.972	885	-70,22%	5.450
Lợi nhuận khác	10.168	14.334	40,96%	1.362
Lợi nhuận trước thuế	13.140	15.219	15,81%	6.812
Lợi nhuận sau thuế	12.522	12.622	0,80%	6.167

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý I/2022 của TTL

Trong năm 2021, Tổng Công ty hợp nhất toàn bộ kết quả kinh doanh của Công ty BOT Yên Lệnh sau khi chuyển từ Công ty liên kết thành Công ty con. Việc này dẫn đến chi phí lãi vay hợp nhất tăng đột biến so với năm 2020 song song với việc giảm lợi nhuận từ hoạt động liên doanh, liên kết nên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh hợp nhất giảm so với năm 2020 mặc dù lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty mẹ tăng.

Các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

Thuận lợi:

- Uy tín Công ty: Là một doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực thi công các công trình cầu, đường và hạ tầng giao thông, trải qua hơn 47 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty Thăng Long - CTCP tự hào với chất lượng và tiến độ hoàn thành các công trình giao thông được giao. Hiện nay, Tổng công ty đã thiết lập được mối quan hệ liên danh, liên kết với nhiều doanh nghiệp quốc tế lớn của Nhật Bản, Trung Quốc...

- Là một trong những Tổng công ty lớn trong ngành giao thông với tiền thân là doanh nghiệp trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty luôn được các cơ quan quản lý nhà nước thường xuyên quan tâm, giúp đỡ và chỉ đạo trong quá trình xây dựng và phát triển.

- Nguồn nhân lực: Bên cạnh đội ngũ lãnh đạo giỏi, bản lĩnh, Tổng công ty còn sở hữu lực lượng cán bộ, kỹ sư có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, làm việc chuyên nghiệp, năng động và có trách nhiệm cao đối với công việc, luôn nỗ lực hoàn thành xuất sắc các dự án được giao. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã xây dựng đồng bộ hệ thống chế độ, chính sách ưu đãi, tạo điều kiện phát huy được chất xám của đội ngũ tri thức trong Tổng công ty.

- Năng lực thi công, quản lý dự án: Hiện nay, Tổng công ty đang sở hữu các dây chuyền công nghệ thi công tiên tiến, đảm bảo thi công được các dự án lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: cầu dây văng, cầu đúc hẫng cân bằng, hầm đường bộ, cầu trên biển, đường cao tốc v.v...; Và đã có năng lực, kinh nghiệm trong đầu tư, quản lý, khai thác các dự án theo hình thức hợp đồng BOT.

Khó khăn:

- Các đối thủ cạnh tranh: Cùng với quá trình hội nhập kinh tế thế giới, các Tập đoàn và doanh nghiệp lớn của nước ngoài cũng tham gia cạnh tranh tại các dự án thi công các công trình giao thông. Bên cạnh đó, sự nổi lên mạnh mẽ của các đối thủ cạnh tranh là các doanh nghiệp tư

nhân khác trong nước với tiềm lực về vốn, nhân lực và công nghệ sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

- Nguồn vốn thực hiện dự án: Các công trình của Tổng công ty phần lớn được thực hiện từ nguồn Ngân sách nhà nước, trong một số thời điểm, các chính sách của nhà nước như hạn chế đầu tư công, kiểm chế lạm phát ảnh hưởng đến một số công trình đơn vị trúng thầu. Các công trình này chậm được bố trí vốn, ảnh hưởng đến tiến độ thi công và việc làm của lao động Tổng công ty. Bên cạnh đó, tình hình lãi suất cho vay ở một số thời điểm vẫn còn cao, điều kiện cho vay khó khăn nên khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay của Tổng công ty bị hạn chế, ảnh hưởng tới nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Việc giải phóng mặt bằng: Các công trình giao thông mặc dù đem lại lợi ích kinh tế, xã hội to lớn, tuy nhiên, trong quá trình thi công lại thường vấp phải vấn đề về giải phóng mặt bằng còn chậm. Tại các công trình chưa có mặt bằng thi công, tiến độ giải phóng mặt bằng chậm làm ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công và hiệu quả kinh tế của Tổng công ty.

7. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

7.1. Vị thế của Tổng công ty trong ngành

Kể từ khi thành lập, Tổng công ty Thăng Long - CTCP đã từng bước tạo lập được vị trí vững chắc và xây dựng được uy tín của doanh nghiệp trong lĩnh vực thi công các công trình giao thông. Tổng công ty đã trúng nhiều gói thầu và cùng tham gia xây dựng tại các công trình lớn, trọng điểm như: Cầu Thăng Long, Cầu Bến Thủy, Cầu Hoàng Long và cầu vượt Hàm Rồng, Cầu Thanh Trì, Cầu Vĩnh Tuy, đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Trung Lương v.v.... Đây là các công trình trọng điểm, khẳng định chất lượng, uy tín của Tổng công ty và tạo tiền đề cho sự phát triển trong tương lai của Tổng công ty.

Đối với lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, hiện nay, Tổng công ty đang tập trung và khai thác các dự án được đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn vốn ODA và dự án có nguồn vốn khác. Qua quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã tạo dựng được uy tín đối với các đối tác, được các đối tác đánh giá cao so với các doanh nghiệp trong ngành và ưu tiên mời tham gia dự thầu các công trình mới.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Một quốc gia có đầy đủ hệ thống thông tin liên lạc, mạng lưới giao thông, năng lượng, hệ thống cấp thoát nước,.. là tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế và góp phần giải quyết các vấn đề xã hội. Nhận thức sâu sắc được vấn đề trên, trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã dành mức đầu tư cao cho phát triển cơ sở hạ tầng. Khoảng 9-10% GDP hằng năm đã được đầu tư vào ngành giao thông, năng lượng, viễn thông, nước và vệ sinh... Việt Nam đã tận dụng rất nhiều nguồn lực trong và ngoài nước, nguồn lực xã hội để phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông vận tải, mạch máu của nền kinh tế.

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, trong đó giao thông cần đi trước một bước được coi là bước đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đây cũng là một trong những chương trình nhằm cụ thể hóa Nghị quyết 50/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vừa được Chính phủ ban

hành. Nghị quyết 50/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đặt ra nhiệm vụ: Tiếp tục xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ thực hiện đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Xây dựng quy hoạch phát triển các ngành kết cấu hạ tầng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tập trung đầu tư các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, quy mô lớn, nhất là về giao thông, năng lượng và hạ tầng số...

Bên cạnh đó, ngành GTVT đã triển khai lập 5 quy hoạch ngành thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm quy hoạch mạng lưới đường bộ; đường sắt; quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển; quy hoạch cảng hàng không, sân bay. Bộ GTVT sẽ tập trung triển khai có hiệu quả kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2021 - 2025 theo quy hoạch và tổng mức vốn ngân sách trung ương cấp theo kế hoạch đầu tư công trung hạn được Thủ tướng Chính phủ thông báo. Trong năm 2021, cả nước tập trung mọi nguồn lực để thúc đẩy tiến độ xây dựng các dự án giao thông quan trọng: Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông (11 dự án với 654 km), cao tốc Bến Lức - Long Thành, cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, luồng cho tàu tải trọng lớn vào sông Hậu giai đoạn 2, dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên... Hoàn thành việc đầu tư nâng cấp đường cát hạ cánh, đường lãn Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Nội Bài... Tập trung hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư để khởi công các dự án mới trong kỳ trung hạn 2021 - 2025, nhất là các dự án động lực, lan tỏa. Ngành GTVT sẽ tiếp tục đẩy mạnh hợp tác công - tư, Trung ương và địa phương cùng thực hiện và trên nguyên tắc đường đi qua tỉnh nào thì tỉnh đó phải bố trí vốn và giải phóng mặt bằng, Nhà nước hỗ trợ kinh phí xây lắp làm vốn môi, để phấn đấu đến năm 2025, cơ bản hoàn thành cao tốc Bắc - Nam phía Đông từ Lạng Sơn đến Cà Mau ở những khu vực phát huy hiệu quả kinh tế cao, tập trung cho phát triển đường cao tốc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ đi Tây Nguyên; hoàn thành giai đoạn 1 Cảng hàng không quốc tế Long Thành; phấn đấu triển khai thực hiện toàn bộ 1.700 km đường ven biển từ Quảng Ninh đến Cà Mau, trong đó, ưu tiên hoàn thành đoạn ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Dự kiến đến năm 2030, cả nước sẽ có khoảng 5.000 km đường bộ cao tốc; phát triển cảng biển, đường thủy nội địa ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long; triển khai nghiên cứu xây dựng một số đoạn đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Đầu tư nâng cao năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Hoàn thành xây dựng và nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ chứa nước trọng yếu bảo đảm an toàn, an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

8. Tình hình hoạt động tài chính

8.1. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính và tuân theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian trích khấu hao áp dụng cho từng nhóm tài sản cố định tại Tổng công ty như sau:

STT	Nội dung	Tại BCTC Công ty mẹ	Tại BCTC Hợp nhất Tổng công ty
1	Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 25 năm	06 – 25 năm

2	Máy móc, thiết bị	08 năm	08 năm
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm	06 – 10 năm
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm	03 – 10 năm
5	Phần mềm máy tính	03 năm	03 năm

Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán năm 2021 của TTL

8.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tổng công ty đã thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn. Tính đến nay, Tổng công ty không có khoản nợ quá hạn.

8.3. Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định

Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
1	Thuế thu nhập cá nhân	152	193	216
2	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4	61	1.027
3	Các loại thuế khác	198	196	197
	Tổng cộng	354	450	1.440

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý I/2022 của TTL

Hợp nhất Tổng công ty

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
1	Thuế giá trị gia tăng	2.610	3.361	3.305
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.640	4.930	5.334
3	Thuế thu nhập cá nhân	160	221	216
4	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4	61	1.027
5	Các loại thuế khác	198	197	197
6	Phí, lệ phí và các khoản khác	702	702	702
	Tổng cộng	8.315	9.471	10.781

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý I/2022 của TTL

8.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Tổng Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và pháp luật hiện hành. Số dư trích lập các quỹ của Tổng công ty qua các năm như sau:

Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.478	2.086	1.670
2	Quỹ đầu tư phát triển	19.544	19.544	19.544
	Tổng cộng	22.022	21.630	21.214

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý I/2022 của TTL

Hợp nhất Tổng Công ty

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.825	2.334	1.915
2	Quỹ đầu tư phát triển	21.564	21.564	21.564
	Tổng cộng	24.389	23.898	23.479

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý I/2022 của TTL

8.5. Tổng dư nợ vay

Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
I	Vay nợ ngắn hạn, trong đó:	43.504	138.097	223.687
1	Vay ngân hàng	43.504	110.756	173.665
2	Vay dài hạn đến hạn trả	-	891	891
3	Vay đối tượng khác	-	26.450	49.131
II	Vay nợ dài hạn, trong đó:	3.490	1.708	1.485
1	Nợ thuê tài chính	3.490	1.708	1.485
	Tổng Cộng	46.993	139.805	225.172

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý I/2022 của TTL

Hợp nhất Tổng công ty

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
I	Vay nợ ngắn hạn, trong đó:	121.479	263.392	352.765
1	Vay ngân hàng	120.289	234.857	300.520
2	Vay dài hạn đến hạn trả	1.190	2.085	3.114
3	Vay đối tượng khác	-	26.450	49.131
II	Vay nợ dài hạn, trong đó:	7.142	221.726	206.044
1	Vay ngân hàng	3.652	206.978	191.519
2	Vay đối tượng khác	-	13.040	13.040
3	Nợ thuê tài chính	3.490	1.708	1.485
	Tổng Cộng	128.620	485.118	558.809

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý I/2022 của TTL

8.6. Tình hình công nợ hiện nay

❖ **Các khoản phải thu:**

Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
I	Phải thu ngắn hạn	698.351	1.070.119	1.082.558
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	403.273	369.167	339.702
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	357.093	750.900	762.334
3	Phải thu ngắn hạn khác	95.447	107.134	137.605
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-157.462	-157.083	-157.083
II	Phải thu dài hạn	52.778	58.078	58.122
1	Phải thu về cho vay dài hạn	52.545	57.845	57.889
2	Phải thu dài hạn khác	233	233	233
	Tổng cộng	641.217	1.128.196	1.140.680

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý I/2022 của TTL

Hợp nhất Tổng Công ty

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
I	Phải thu ngắn hạn	716.101	1.106.899	1.131.640
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	451.882	402.175	375.078
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	321.612	718.767	740.646
3	Phải thu ngắn hạn khác	103.717	146.772	176.731
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-161.110	-160.816	-160.816
II	Phải thu dài hạn	52.778	12.148	12.193
1	Phải thu về cho vay dài hạn	52.545	11.916	11.960
2	Phải thu dài hạn khác	233	233	233
	Tổng cộng	705.616	1.119.047	1.143.833

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý I/2022 của TTL

❖ **Các khoản phải trả:**

Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
I	Nợ ngắn hạn	820.895	1.087.078	1.154.590
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	313.827	267.640	257.297
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	382.801	516.533	513.822
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	354	450	1.440
4	Phải trả người lao động	4.250	5.362	4.853
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	15.116	85.744	85.989
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.192	2.114	2.074
7	Phải trả ngắn hạn khác	57.374	69.052	63.756

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	43.504	138.097	223.687
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.478	2.086	1.670
II	Nợ dài hạn	50.274	49.611	49.717
1	Phải trả dài hạn khác	46.784	47.903	48.232
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.490	1.708	1.485
	Tổng nợ	871.169	1.136.689	1.204.307

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý I/2022 của TTL

Hợp nhất Tổng Công ty

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
I	Nợ ngắn hạn	951.932	1.355.324	1.397.945
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	316.131.393.856	347.582	308.485
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	394.460	532.336	525.133
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.315	9.471	10.781
4	Phải trả người lao động	9.372	13.462	10.986
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	17.455	92.921	89.632
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.192	2.114	2.108
7	Phải trả ngắn hạn khác	80.702	91.711	96.139
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	121.479	263.392	352.765
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.825	2.334	1.915
II	Nợ dài hạn	53.934	234.970	219.616
1	Phải trả dài hạn	46.784	13.241	13.571
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.142	221.726	206.044
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải	8	3	1

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
	trả			
	Tổng nợ	1.005.866	1.590.294	1.617.560

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý I/2022 của TTL

8.7. Đầu tư tài chính

Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.811	15.120	18.120
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.811	15.120	18.120
II	Đầu tư tài chính dài hạn	229.508	228.639	226.750
1	Đầu tư vào công ty con	36.308	145.952	145.952
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	167.623	57.979	57.979
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.821	3.821	3.821
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-897	-1.001	-1.001
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22.653	21.889	20.000
	Tổng cộng	245.319	243.759	244.870

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý I/2022 của TTL

Hợp nhất Tổng Công ty

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Lũy kế đến Quý I/2022
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.251	33.070	34.120
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32.251	33.070	34.120
II	Đầu tư tài chính dài hạn	207.039	101.835	99.946
1	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	180.565	76.125	76.125
2	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.821	3.821	3.821
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22.653	21.889	20.000
	Tổng cộng	239.290	134.905	134.066

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý I/2022 của TTL

8.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Công ty mẹ

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	31/12/2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	1,34	1,25
Hệ số thanh toán nhanh [= (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	1,21	1,12
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản (D/A)	%	62,59	68,77
Nợ/Vốn chủ sở hữu (D/E)	%	167,33	220,16
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (= Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	Lần	6,71	8,95
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,50	0,74
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần (ROS)	%	1,88	0,75
Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	2,31	1,63
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,94	0,56
Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	0,25	0,79
Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS) (đồng/CP) (Mệnh giá: 10.000đ/CP)	đồng/cp	287	202

Nguồn: Tính toán từ BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021 của TTL

Hợp nhất Tổng công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	31/12/2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	1,30	1,20
Hệ số thanh toán nhanh [= (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	1,10	0,95
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Nợ/Tổng tài sản (D/A)	%	64,80	72,35
Nợ/Vốn chủ sở hữu (D/E)	%	184,08	261,67

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	31/12/2021
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
Vòng quay hàng tồn kho (= Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	Lần	3,96	4,49
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,50	0,67
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần (ROS)	%	1,72	1,00
Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	2,30	2,19
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,86	0,67
Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	0,41	0,07
Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS) (đồng/CP) (Mệnh giá: 10.000đ/CP)	đồng/cp	303	310

Nguồn: Tính toán từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của TTL

8.9. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2022

Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	TSCĐ hữu hình	41.556	5.283	12,71
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	33.985	2.530	7,44
2	Máy móc, thiết bị	1.464	881	60,18
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4.787	1.872	39,11
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.320	-	-
II	TSCĐ thuê tài chính	4.227	3.582	84,74
1	Máy móc, thiết bị	4.227	3.582	84,74
III	TSCĐ vô hình	225	-	-
1	Phần mềm máy tính	225	-	-
	Cộng	46.008	8.865	19,27

Nguồn: BCTC công ty mẹ Quý I/2022 của TTL

Hợp nhất Công ty

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	TSCĐ hữu hình	847.496	410.354	48,42
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	719.699	382.932	53,21
2	Máy móc, thiết bị	102.401	22.563	22,03
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	22.664	4.688	20,68
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.731	171	6,26
II	TSCĐ thuê tài chính	4.227	3.582	84,74
1	Máy móc, thiết bị	4.227	3.582	84,74
III	TSCĐ vô hình	5.530	5.304	95,91
1	Quyền sử dụng đất	5.304	5.304	100
2	Phần mềm máy tính	226	-	-
	Cộng	857.253	419.240	48,91

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I/2022 của TTL

9. Tình hình sử dụng đất đai của TTL

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý của lô đất	Công trình trên đất	Hình thức thuê, giao đất
1	Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội	645.2	Trụ sở làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số: 2473/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Tổng công ty Thăng Long - CTCP thuê 645,2m² đất tại số 72 Nguyễn Chí Thanh, P.Láng Thượng, quận Đống Đa để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc. - Hợp đồng thuê đất số 193/HĐTD-STNMT-PC ngày 29/3/2016 giữa Sở tài nguyên môi trường Hà Nội và Tổng công ty Thăng Long - CTCP. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 444467 cấp ngày 	01 nhà 6 tầng	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm

				20/7/2016.		
2	Đường Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	1.127,8	Văn phòng làm việc và nhà kho	<p>- Quyết định số: 5900/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Tổng công ty Thăng Long - CTCP thuê 1.795m² đất tại Phường Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, HN để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm văn phòng làm việc và nhà kho.</p> <p>- Hợp đồng thuê đất số: 230/HĐTD-STNMT-PC ngày 10/5/2016 giữa Sở tài nguyên môi trường Hà Nội và Tổng công ty Thăng Long –CTCP.</p>	02 nhà 2 tầng	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm
3	Đường Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	11.400	Văn phòng làm việc, kho bãi và nhà xưởng	<p>- Quyết định số: 5901/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Tổng công ty Thăng Long - CTCP thuê 14.866,5m² đất tại Phường Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, HN để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm văn phòng làm việc, kho bãi và nhà xưởng.</p> <p>- HĐ thuê đất số: 232/HĐTD-STNMT-PC ngày 10/5/2016 giữa Sở tài nguyên môi trường Hà Nội và Tổng công ty Thăng Long – CTCP.</p>	03 nhà 1 tầng	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm
4	Tân Xuân, Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.040	Văn phòng làm việc và nhà xưởng	<p>- Quyết định số: 2758/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Tổng công ty Thăng Long - CTCP thuê 4.040 m² đất tại phố Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, HN để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm văn phòng làm việc và nhà xưởng.</p> <p>- HĐ thuê đất số: 538/HĐTD-STNMT-PC ngày 10/6/2016 Sở tài nguyên môi trường Hà Nội</p>	05 nhà 1 tầng; 01 nhà 3 tầng	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm

				và Tổng công ty Thăng Long – CTCP.		
5	Xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, Tp. Hà Nội	9.656,26	Văn phòng làm việc và nhà xưởng	- Quyết định số: 4043/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Tổng công ty Thăng Long - CTCP thuê 9.990 m ² đất tại Kim Nỗ, Đông Anh, HN để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm văn phòng làm việc, kho bãi và nhà xưởng. - Hợp đồng số: 192/HĐTD-STNMT-PC ngày 29/03/2016 Sở tài nguyên môi trường Hà Nội và Tổng công ty Thăng Long – CTCP.	02 nhà 1 tầng	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm

Nguồn: TTL

10. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	KH Năm 2022	
			Giá trị	% tăng giảm so với 2021
Vốn chủ sở hữu	tr.đồng	516.295	516.295	-
Doanh thu thuần	tr.đồng	1.129.925	1.462.000	29,39%
Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	8.477	9.120	7,59%
Tỷ lệ LNST/DTT	%	0,75	0,62	-0,13%
Tỷ lệ LNST/VCSH	%	1,64	1,77	0,13%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của TTL

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức:

Để thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD năm 2022, HĐQT Tổng công ty sẽ chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đề ra, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, bảo toàn và phát triển vốn. Với các biện pháp, giải pháp cụ thể như sau:

- Duy trì ngành nghề truyền thống là nhà thầu xây dựng hạ tầng giao thông vận tải, tiêu chí tiếp tục chú trọng là Công nghệ - Chất lượng - Chuyên nghiệp;
- Duy trì sản phẩm thầu xây dựng hạ tầng giao thông vận tải trong và ngoài nước, tập trung khối khách hàng tư nhân;

- Phát triển và hoàn thiện mô hình tổ chức nhà thầu quản lý doanh nghiệp;
- Tổ chức triển khai các gói thầu trên tuyến cao tốc Bắc – Nam và các dự án khác, đảm bảo các tiêu chí: an toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả;
- Nghiên cứu các dự án đầu tư trên cơ sở quỹ đất của Tổng Công ty và các dự án khả thi khác phù hợp với năng lực của Tổng Công ty và nguồn vốn hiện có;
- Rà soát phương án SXKD của các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng Công ty;
- Tiếp tục nghiên cứu để đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư tại các đơn vị;
- Quyết liệt công tác giải quyết giá trị dở dang các công trình và thu hồi công nợ, có giao chỉ tiêu trách nhiệm cụ thể đến từng đơn vị, cá nhân;
- Duy trì việc lập và quản lý dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh, có các giải pháp phù hợp để đảm bảo cân đối dòng tiền cho sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, trước mắt tập trung kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động

Tại thời điểm 31/03/2022, số lượng cán bộ nhân viên của công ty mẹ Tổng công ty Thăng Long - CTCP là 71 người. Cơ cấu lao động được thể hiện trong bảng dưới đây:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Trình độ trên Đại học	04	5,6%
Trình độ Đại học	55	77,4%
Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	05	7%
Trình độ sơ cấp	07	10%
Tổng số	71	100%

Nguồn: TTL

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

- Về công tác tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Tổng công ty là thu hút người lao động có năng lực và trình độ, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng hoạt động kinh doanh. Tổng công ty đã nghiên cứu mô hình quản lý tiên tiến của các doanh nghiệp để áp dụng vào điều kiện thực tế tại Việt Nam trong việc xây dựng hệ thống bản mô tả công việc và tiêu chuẩn chức danh cho từng vị trí công việc. Các tiêu chuẩn chức danh được xây dựng thống nhất với phương pháp đánh giá công việc, theo đó mỗi vị trí công việc khi tuyển dụng cần đáp ứng các tiêu chuẩn về kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, khả năng và ý thức thái độ cần có để người đảm nhận vị trí công việc có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở các tiêu chuẩn chức danh, Tổng

công ty Thăng Long - CTCP thực hiện việc lựa chọn, tuyển dụng nhân sự thông qua các bước sơ tuyển hồ sơ, thi tuyển và phỏng vấn. Ngoài ra các vị trí quản lý và kinh doanh còn cần trải qua bài kiểm tra tình huống, trong đó ứng viên được đặt vào tình huống mô phỏng các vấn đề thực tế sẽ phát sinh để qua đó thể hiện rõ nét hơn các kỹ năng, khả năng cần có.

- Về công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

Tổng công ty Thăng Long – CTCP hiện nay đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực. Tất cả lao động mới gia nhập đều được đào tạo định hướng để có những hiểu biết cần thiết về lịch sử hình thành và phát triển của Tổng công ty, giá trị cốt lõi, sứ mệnh, tầm nhìn, văn hóa làm việc trong tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty. Tổng công ty cũng đặc biệt coi trọng và khuyến khích quá trình tự học hỏi để nâng cao kỹ năng của mỗi CBNV và luôn tạo điều kiện hết sức để CBNV có cơ hội tiếp xúc và tích lũy kinh nghiệm thực tế trong quá trình công tác.

❖ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

Thời gian làm việc của Tổng công ty được thực hiện theo quy định của Luật lao động. CBNV được nghỉ Lễ và Tết theo quy định. Các chế độ trợ cấp trong thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản được đảm bảo đầy đủ theo quy định của nhà nước.

Đã trả lương theo kết quả hoàn thành công việc (BSC) hàng tháng, quý nhằm động viên, khuyến khích CBNV phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho các hoạt động của Tổng công ty.

Thực hiện đánh giá năng lực, ý thức, kết quả thực hiện công việc và mức độ đóng góp của CBNV cho sự phát triển của Tổng công ty để áp dụng chính sách khen thưởng phù hợp. Hàng năm, Tổng công ty tổng kết và tiến hành tuyên dương khen thưởng xứng đáng cho các tập thể, cá nhân có thành tích và đóng góp xuất sắc vào sự phát triển và lớn mạnh của Tổng công ty.

Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa doanh nghiệp như tổ chức Teambuilding, du lịch nước ngoài thu hút được đông đảo CBNV tham gia.

Tổng Công ty thực hiện trả lương tháng, quý căn cứ vào kết quả đánh giá hiệu quả công việc (BSC). Việc trả lương theo BSC là thay đổi rất lớn trong chính sách trả lương tại cơ quan, góp phần thúc đẩy hoạt động SXKD của Tổng Công ty. Hàng năm, người lao động luôn được quan tâm, chăm lo và tạo điều kiện về vật chất và tinh thần. Người lao động được đào tạo chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ, tham dự nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và du lịch.

12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của TTL, ĐHĐCĐ có thể công bố và quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng/thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

Hội đồng quản trị có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan đến một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Căn cứ luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc quyền khác.

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật và theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Tình hình trả cổ tức trong 02 năm gần đây:

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức chi trả
2020	3%	Đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt
2021	0%	Không thực hiện chi trả cổ tức

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổng Công ty

Không có.

14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn

Không có.

V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Loại cổ phần

- Tên cổ phần chào bán: Cổ phần Tổng Công ty Thăng Long - CTCP

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số lô cổ phần dự kiến chuyển nhượng

Số lượng cổ phần chào bán: 10.500.000 cổ phần – chiếm tỷ lệ 25,05% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP.

Số lượng lô chào bán: 01 lô.

Số lượng cổ phần chào bán một lô: 10.500.000 cổ phần.

4. Giá khởi điểm đấu giá

Giá khởi điểm một cổ phần: 18.350 đồng/cổ phần

Giá khởi điểm một lô cổ phần chào bán: 194.565.000.000 đồng/lô cổ phần

Bước giá: 1.000.000 đồng/lô cổ phần

5. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm

Giá khởi điểm cổ phần bán đấu giá được xác định trên cơ sở:

- Chứng thư thẩm định giá số 1200322/TV-IVC ngày 10/03/2022 do Công ty Công ty Cổ phần Thẩm định giá IVC Việt Nam ban hành.

- Quyết định số 67/QĐ-ĐTKDV ngày 10/03/2022 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng Công ty Thăng Long – CTCP.

6. Phương thức chuyển nhượng vốn

Bán đấu giá công khai cả lô cổ phần.

7. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn

Quý II/2022

9. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến

Thời gian đăng ký mua cổ phần được quy định cụ thể tại Quy chế bán đấu giá cổ phần Tổng Công ty Thăng Long – CTCP

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

Căn cứ thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài được công bố trên website của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty Thăng Long – CTCP là: 49%.

Tại thời điểm ngày 06/05/2022, số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tại Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là 9.010 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ. Do đó, khối lượng cổ phần tối đa mà nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký mua là 10.500.000 cổ phần (tương đương 25,05% vốn điều lệ của TTL).

Tuy nhiên, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có thể biến động theo từng ngày giao dịch trên thị trường và cũng có thể đạt mức tối đa 49% vốn điều lệ tại ngày làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phiếu TTL. Do đó, Nhà đầu tư nước ngoài khi nghiên cứu mua cổ phần TTL phải có trách nhiệm cập nhật khối lượng cổ phần TTL còn được phép nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài được công bố hàng ngày trên website của SGDCK Hà Nội hoặc Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đảm bảo khối lượng đăng ký mua không vượt quá khối lượng còn được phép nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài do SGDCK Hà Nội hoặc

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam công bố tại thời điểm đăng ký tham dự đấu giá.

Trường hợp tại thời điểm đăng ký tham dự đấu giá, nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng đủ điều kiện để tham dự, tuy nhiên tại thời điểm chuyển quyền sở hữu cổ phần trúng đấu giá tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, số cổ phần trúng đấu giá và đã thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài lớn hơn khối lượng cổ phần TTL còn được phép nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài thì nhà đầu tư nước ngoài sẽ không được mua toàn bộ số lượng cổ phần trúng đấu giá và SCIC sẽ nhận lại toàn bộ cổ phần, hoàn trả lại toàn bộ tiền đặt cọc và số tiền đã thanh toán khi trúng giá của nhà đầu tư.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn

Không có

12. Các loại thuế có liên quan

Theo quy định tại điều 15 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 96/2015/TT-BTC, SCIC phải chịu thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Trong trường hợp nhà đầu tư cá nhân tham gia mua cổ phần chào bán của SCIC sau đó chuyển nhượng lại cho nhà đầu tư khác thì nhà đầu tư cá nhân phải chịu thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán theo các quy định hiện hành.

13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn:

Không có

VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Việc chuyển nhượng vốn của SCIC tại Tổng công ty Thăng Long – CTCP nhằm thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; thực hiện Quyết định số 1001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 10/07/2017 phê duyệt phương án sắp xếp, phân loại doanh nghiệp của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước đến năm 2020 và Thông báo số 990/UBQLV-TH ngày 23/06/2021 của Ủy ban quản lý vốn Nhà nước về việc thực hiện bán vốn Nhà nước theo Quyết định số 1001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyên nhượng

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)

Địa chỉ: Tầng 23, tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.62780191 Fax: 024.62780136

Website: www.scic.vn

2. Tổ chức có vốn Nhà nước chuyên nhượng

Tổng công ty Thăng Long – CTCP (TTL)

Địa chỉ: Số 72 đường Nguyễn Chí Thanh, P Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3834 3087 Fax: (84-24) 3834 5212

Website: www.tlg.com.vn

3. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.shs.com.vn

Điện thoại: (84.24) 3818 1888 Fax: (84.24) 3818 1688

CN TP.HCM: Tầng 3, Tòa nhà AS, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.28) 3915 1368 Fax: (84.28) 3915 1369

CN Đà Nẵng: Tầng 8, tòa nhà Thành Lợi 2, số 3 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, Đà Nẵng

Điện thoại: (84.236) 3525 777 Fax: (84.236) 3525 779

4. Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt

Địa chỉ: Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 3244 4044 Fax: 024 3244 4045

Website: www.aascn.com.vn

5. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 39412626 Fax: (84.24) 39347818

Website: www.hnx.vn

6. Tổ chức thẩm định giá

Công ty Cổ phần Thẩm định giá IVC Việt Nam

Địa chỉ: Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 6273 5566

Website: www.ivc.com.vn

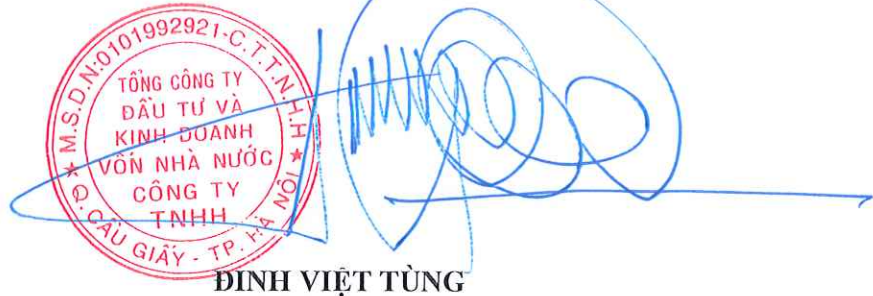
VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG, TỔ CHỨC CÓ VỐN ĐƯỢC CHUYÊN NHƯỢNG VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2022

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH VIỆT TÙNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ VỐN ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

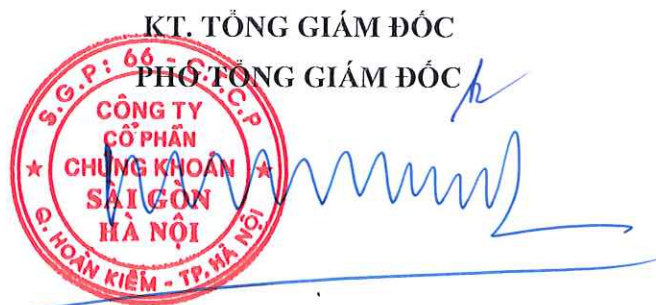
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VIỆT HÀ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU THANH